

Bản án: 144/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/12/2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Ngoan;
2. Bà Đoàn Kim Thạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 708/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 48/7^A, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh A; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trương Thị D, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 48/7^A, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh A; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Văn N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trương Thị D quen biết nhau qua mai mối, có thời gian tìm hiểu và tổ chức lễ cưới vào năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn. Hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Ông bà sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà D phát sinh tình cảm với người đàn ông khác,

không quan tâm đến chồng con. Hiện tại vợ chồng đã chính thức ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Do tình cảm của ông dành cho bà D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà D.

- Về quan hệ con chung: Ông bà có 02 (Hai) con chung tên Huỳnh Thanh T, sinh ngày 16/9/1998 và Huỳnh Trương Trung H, sinh ngày 16/8/2010. Con chung Huỳnh Thanh T đã trưởng thành và có khả năng lao động. Ông yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn bà Trương Thị D vẫn vắng mặt; không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tại phiên tòa hôm nay, bà D tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án,

- Nguyên đơn ông Huỳnh Văn N trình bày lời khai như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; yêu cầu được ly hôn với bà Trương Thị D. Ông xác định từ khi vợ chồng chính thức ly thân từ đầu năm 2018 đến nay ông và bà D không có biện pháp nào để khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Huỳnh Trương Trung H, sinh ngày 16/8/2010, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bên cạnh đó, ông N còn xác định, ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án thì ông không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Bị đơn bà Trương Thị D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải giữa các đương sự nhưng bị đơn bà Trương Thị D đều vắng mặt tại các phiên hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các đương sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được tổng đạt, niêm yết đầy đủ cho các đương sự theo quy định tại các Điều 170, Điều 171 và Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng

dân sự về xét xử vụ án. Thư ký thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Huỳnh Văn N đối với bà Trương Thị D. Không công nhận ông Huỳnh Văn N và bà Trương Thị D là vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Ông bà có 02 (Hai) con chung tên Huỳnh Thanh T, sinh ngày 16/9/1998 và Huỳnh Trương Trung H, sinh ngày 16/8/2010. Con chung Huỳnh Thanh T đã trưởng thành và có khả năng lao động. Đề nghị giao con chung Huỳnh Trương Trung H, sinh ngày 16/8/2010 cho ông Huỳnh Văn N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Huỳnh Văn N không yêu cầu bà Trương Thị D cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Huỳnh Văn N khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Trương Thị D. Đồng thời, bà D cư trú trên địa bàn thành phố L. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý, giải quyết.

[1.2] Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đối với phiên tòa được mở lần thứ nhất và Quyết định hoãn phiên tòa đối với phiên tòa hôm nay nhưng bà D vẫn vắng mặt không rõ lý do, ông N không yêu cầu hoãn phiên tòa. Do đây là lần thứ hai bà D vắng

mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn N và bà Trương Thị D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng ông bà không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Biên bản xác minh ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố L tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, thể hiện: Qua tra cứu tàng thư kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M thì không tìm thấy sổ bộ đăng ký kết hôn giữa ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1975 và bà Trương Thị D, sinh năm 1979.

Công văn số 1146/STP-HCTP, ngày 16/10/2018 của Sở Tư pháp tỉnh A về việc cung cấp thông tin đăng ký kết hôn của ông Huỳnh Văn N, thể hiện: Căn cứ Văn bản cung cấp thông tin tra cứu Sổ bộ đăng ký kết hôn của Phòng Tư pháp thành phố L (Công văn số 83/CV-PTP ngày 16/10/2018), kết quả Phòng Tư pháp thành phố L không tìm thấy hồ sơ đăng ký kết hôn giữa ông Huỳnh Văn N với bà Trương Thị D.

Từ các căn cứ trên, có cơ sở xác định, ông N và bà D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay, có tổ chức lễ cưới nhưng ông bà không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, hôn nhân giữa ông N và bà D đã vi phạm Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 về đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đến mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng giữa ông N và bà D.

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận ông N và bà D là vợ chồng theo như quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tại phiên tòa.

[2.2] Về con chung: Ông N và bà D có 02 (Hai) con chung tên Huỳnh Thanh T, sinh ngày 16/9/1998 và Huỳnh Trương Trung H, sinh ngày 16/8/2010. Con chung Huỳnh Thanh T đã trưởng thành và có khả năng lao động. Riêng cháu H hiện nay đang sinh sống cùng ông N, ông N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H; không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung.

Thấy rằng, trong khoảng thời gian bắt đầu sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay, con chung Huỳnh Trương Trung H được ông N trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng và giáo dục. Tại biên bản ghi nguyện vọng của cháu Huỳnh Trương Trung H ngày 25/9/2018, cháu H có nguyện vọng sinh sống cùng ông N. Ông N cũng có yêu cầu được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H. Cho nên, để ổn định cuộc sống của cháu H khi cha mẹ ly hôn và nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu H, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H cho ông N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên, ông N là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông N cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tạo điều kiện cho bà D được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc của người thân thích, của cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông N xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Bà Trương Thị D không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét, giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ khởi kiện vụ kiện khác.

[2.4] Về án phí: Ông N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp. Ông Nhút đã nộp đủ.

Bà D không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; khoản 4 Điều 147; Điều 186; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 9, Điều 14; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm c Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét xử vắng mặt bị đơn bà Trương Thị D.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn N. Không công nhận ông Huỳnh Văn N và bà Trương Thị D là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Ông bà có 02 (Hai) con chung tên Huỳnh Thanh T, sinh ngày 16/9/1998 và Huỳnh Trương Trung H, sinh ngày 16/8/2010.

- Con chung Huỳnh Thanh T, sinh ngày 16/9/1998 đã trưởng thành.

- Ông Huỳnh Văn N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Huỳnh Trương Trung H, sinh ngày 16/8/2010. Bà Trương Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do ông Huỳnh Văn N không yêu cầu.

- Ông N cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho bà D được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc của người thân thích, của cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Huỳnh Văn N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0009929 ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Ông N đã nộp đủ án phí.

Bà Trương Thị D không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Huỳnh Văn N có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Trương Thị D được tính là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. TP Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuân Thu